TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/KDTM-PT
Ngày 29/02/2024
V/v *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

***Các Thẩm phán*:** Ông Bùi Đức Bằng

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên

Trong các ngày 28 và 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 221/2023/TLPT-KDTM ngày 30/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 37/2023/KDTM-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 835/2023/QĐ-PT ngày 12/12/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐ-PT ngày 10/01/2024; Thông báo về việc thời gian mở lại phiên tòa số 99/2024/TB-TA ngày 19/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ Nguyên P

Địa chỉ: Số 10 đường 902 Tạ Quang B, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Cao Thị Mỹ N – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tuấn S và bà Trần Thúy H. Cùng địa chỉ: Số 38 ngõ 295 Bạch M, Hai Bà T, Hà Nội; có mặt

- Bị đơn: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Hoàng M

Địa chỉ: Xóm B, xã Thanh L, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Địa chỉ liên hệ: Lô 08.09 – Tầng 2 Tòa DV03 Rose T, 79 đường Ngọc H, phường Hoàng L, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Anh D – Giám đốc; có mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn K, sinh năm 1983. Địa chỉ: P1307 tòa nhà CT, KĐT Xa L, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: Lô 08.09 – Tầng 2 Tòa DV03 Rose T, 79 đường Ngọc H, phường Hoàng L, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/07/2016 Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ Nguyên P (sau đây viết tắt là Công ty Nguyên P) và Công ty cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Hoàng M (sau đây viết tắt là Công ty Hoàng M) ký hợp đồng kinh tế số 01/2016/HĐ về việc mua bán đá xây dựng với giá trị Hợp đồng là 8.508.400.00 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ, năm trăm linh tám triệu, bốn trăm nghìn đồng). Ngày 17/10/2016 hai công ty ký tiếp phụ lục hợp đồng với giá trị 560.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi triệu đồng). Ngày 06/12/2016 hai công ty lại tiếp tục ký 02 phụ lục với mục đích thay đổi địa chỉ và thêm số tài khoản của Công ty Hoàng M, thay đổi đơn giá và đổi thời gian thực hiện hợp đồng từ 01/07/2016 – 31/10/2016 thành 01/11/2016 – 31/01/2017.

Công ty Nguyên P vận chuyển giao đá đến bãi tập kết đá của Công ty Hoàng M tại vị trí trạm trộn (km 186+100) rẽ trái 1,5 km của gói thầu số 2.3. Cuối mỗi tháng hai bên sẽ tiến hành ký nghiệm thu đối chiếu khối lượng giao nhận giữa 2 bên.

- Ngày 02 tháng 08 năm 2016: Đối chiếu khối lượng và số liệu công nợ Đợt 1 từ ngày 19/06/2016 đến ngày 31/07/2016 với số dư nợ là: 723.840.000 đồng

- Ngày 31 tháng 08 năm 2016: Đối chiếu khối lượng và số liệu công nợ Đợt 2 từ ngày 01/08/2016 đến ngày 31/08/2016 với số dư nợ là: 1.583.700.000 đồng.

+ Ngày 07/07/2016: thanh toán UNC: 200.000.000 đồng

+ Ngày 20/07/2016: thanh toán UNC: 100.000.000 đồng

- Ngày 30 tháng 09 năm 2016: Đối chiếu khối lượng và số liệu công nợ Đợt 3 từ ngày 01/09/2016 đến ngày 30/09/2016 với số dư nợ là: 1.669.180.000 đồng

+ Ngày 30/09/2016: thanh toán UNC: 200.000.000 đồng

- Ngày 02 tháng 11 năm 2016: Đối chiếu khối lượng và số liệu công nợ Đợt 4 từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/10/2016 với số dư nợ là: 1.982.000.000 đồng.

+ Ngày 28/10/2016: thanh toán UNC: 500.000.000 đồng

- Ngày 01 tháng 12 năm 2016: Đối chiếu khối lượng và số liệu công nợ Đợt 5 từ ngày 01/11/2016 đến ngày 30/11/2016 với số dư nợ là: 3.439.260.000 đồng

+ Ngày 18/11/2016: thanh toán UNC: 200.000.000 đồng

+ Ngày 25/11/2016: thanh toán UNC: 300.000.000 đồng

- Ngày 15 tháng 12 năm 2016: Đối chiếu khối lượng và số liệu công nợ Đợt 6 từ ngày 01/12/2016 đến ngày 14/12/2016 với số dư nợ là: 3.916.140.000 đồng

Tất cả các biên bản đối chiếu trên được đại diện Công ty Nguyên P là kế toán và Phó Giám đốc ông Lê Tuấn H ký đối chiếu cùng với bà Vũ Thị Hải Y kế toán và ông Đoàn Anh D Giám đốc Công ty Hoàng M.

Trong thời gian Công ty Nguyên P và Công ty Hoàng M thỏa thuận việc mua bán với nhau bên Công ty Hoàng M thực hiện thanh toán không đúng theo tiến độ hợp đồng đã ký giữa 2 bên. Nên Công ty Nguyên P đã ngưng cung cấp đá cho Công ty Hoàng M. Nhưng đích thân ông Đoàn Anh D đã đến gặp ông Lê Tuấn H Phó Giám đốc Công ty Nguyên P, ông Đoàn Anh D năn nỉ tiếp tục cung cấp đá để Công ty Hoàng M hoàn thành công trình và hứa hẹn sẽ thanh toán tiền đúng hạn cho Công ty Nguyên P.

Từ ngày 15/12/2016 đến ngày 11/06/2018: Sau nhiều lần Công ty Nguyên P nhắc nợ đòi tiền thì Công ty Hoàng M có thanh toán được số công nợ như sau:

+ Ngày 13/01/2017: thanh toán UNC : 1.000.000.000 đồng

+ Ngày 27/04/2017: thanh toán UNC : 50.000.000 đồng

+ Ngày 27/11/2017: thanh toán UNC : 200.000.000 đồng

+ Ngày 07/12/2017: thanh toán UNC : 700.000.000 đồng

+ Ngày 12/02/2018: thanh toán UNC : 200.000.000 đồng

+ Ngày 17/05/2018: thanh toán UNC : 20.000.000 đồng

+ Ngày 11/06/2018: thanh toán UNC : 30.000.000 đồng

- Ngày 31/12/2018 các bên thực hiện việc đối chiếu công nợ. Thời điểm đối chiếu công nợ và kết luận tính đến hết ngày 31/12/2018 Công ty Hoàng M còn nợ Công ty Nguyên P số tiền 1.716.140.000 đồng.

Đến khi hoàn thành công trình Công ty Hoàng M cố tình không thanh toán trong thời gian dài, đại diện Công ty Nguyên P là ông Lê Tuấn H và bà Cao Thị Mỹ N đã ra văn phòng Công ty Hoàng M gặp ông Đoàn Anh D là giám đốc và

bà L nhiều lần để đòi công nợ. Tuy nhiên, đại diện Công ty Hoàng M hứa hẹn hết lần này đến lần khác là khi tiền bảo hành công trình về sẽ thanh toán cho Công ty Nguyên P mà khi tiền bảo hành về vẫn không thanh toán cho Công ty Nguyên P.

Năm 2019 Công ty Nguyên P có làm việc với Công ty trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ đòi nợ AZ (sau đây viết tắt là Công ty AZ) để thu hồi khoản nợ của Công ty Hoàng M thì ngày 14/01/2020 có thu được 1 khoản 450.000.000 đồng (Bằng giá trị thế chấp ngân hàng của xe) từ chiếc xe ô tô hiệu TOYOTA VIOS E mang biển kiểm soát 30E - 370.77 và ngày 03/11/2020 phía Công ty Nguyên P đã trừ nợ cho Công ty Hoàng M số tiền là 450.000.000 đồng, đấy là số tiền phía Công ty AZ đã thỏa thuận với Công ty Hoàng M.

Ngày 03/11/2020 Công ty Hoàng M tiếp tục thanh toán uỷ nhiệm chi số tiền 10.000.000 đồng cho Công ty Nguyên P, đến ngày 09/02/2021 lại thanh toán UNC: 20.000.000 đồng nữa vào tài khoản của Công ty Nguyên P.

Từ ngày 09/02/2021 đến nay, phía nguyên đơn làm việc với ông Đoàn Anh D – Giám đốc Công ty Hoàng M nhiều lần, nhưng hơn 2 năm, Công ty Hoàng M cũng chưa thanh toán số tiền còn lại là 1.236.140.000 đồng (Một tỷ, hai trăm ba sáu triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng) cho bên Công ty Nguyên P.

Việc Công ty Hoàng M không thanh toán cho Công ty Nguyên P làm ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động của Công ty Nguyên P.

Nay nguyên đơn yêu cầu Công ty Hoàng M hoàn trả số tiền là 1.236.140.000 đồng (Một tỷ, hai trăm ba sáu triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng) và lãi suất ngân hàng Agribank bình quân 8%/năm từ ngày 10/02/2021 đến nay là 247.222.000 đồng. Nguyên đơn xin rút yêu cầu lãi phạt chậm trả.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

- Về hợp đồng kinh tế để mua bán đá xây dựng, bị đơn xác nhận Công ty Nguyên P và Công ty Hoàng M có ký các hợp đồng 01/2016/HĐ ngày 01/7/2016, phụ lục hợp đồng kinh tế số 01PL/HĐKT/2016 ngày 17/10/2016; Phụ lục số 02PL/HĐKT/2016 ngày 06/12/2016 được đại diện theo pháp luật của bị đơn ký kết hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng các bên thực hiện các công việc có xác định giá trị, khối lượng theo các biên bản đã ký kết, thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

- Về yêu cầu đòi nợ số tiền gốc 1.236.140.000 đồng và lãi, bị đơn cho rằng bên phía Công ty Nguyên P chưa cấp chứng chỉ CO/CQ, ngày sản xuất, hồ sơ chất lượng sản phẩm để Công ty Hoàng M quyết toán giá trị hợp đồng. Khi nào Công ty Nguyên P cung cấp đầy đủ hồ sơ chất lượng sản phẩm thì Công ty Hoàng M mới xác nhận số nợ chính xác là bao nhiêu. Công ty Hoàng M chưa

công nhận số nợ gốc như Công ty Nguyên P yêu cầu 1.236.140.000 đồng, do chưa công nhận số nợ gốc nên không có căn cứ tính tiền nợ lãi.

Theo biên bản làm việc ngày 05/7/2019, giữa Công ty Nguyên P và Công ty Hoàng M, ông Dũng xác nhận còn nợ số tiền 1.716.140.000 đồng, tuy nhiên ông Dũng không đồng ý với số công nợ này, đây chỉ là số tiền tạm tính làm cơ sở xuất hóa đơn VAT. Phía Công ty Nguyên P đã xuất hóa đơn VAT cho Công ty Hoàng M.

Đối với chiếc xe TOYOTA VIOS E mang biển kiểm soát 30E -370.77, Công ty Hoàng M yêu cầu phải có định giá chính xác giá trị xe để khấu trừ vào khoản nợ. Về biên bản làm việc ngày 31/10/2019 giữa Công ty AZ và Công ty Hoàng M về việc bàn giao xe TOYOTA VIOS E để khấu trừ khoản nợ do sức ép cá nhân nên ông Dũng mới bàn giao chiếc xe để khấu trừ khoản nợ, ông Dũng không đồng ý với số tiền khấu trừ nợ chiếc xe là 450.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến trình bày, đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ từ hợp đồng mua bán hàng hóa 1.236.140.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 10/2/2021 đến ngày 14/8/2023 với lãi suất của bình quân của Ngân hàng Agribank qua các năm 8%/năm là 247.228.000 đồng. Nguyên đơn xin rút yêu cầu lãi phạt chậm trả.

Bị đơn trình bày giữ nguyên các ý kiến trình bày trước đây và đề nghị đưa Công ty AZ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị đơn cho rằng hợp đồng kinh tế số 01/2016/HĐ ký ngày 01/7/2016 và các phụ lục kèm theo có dấu hiệu vô hiệu, vi phạm điều cấm của pháp luật dẫn đến các bên chưa hoàn tất được hồ sơ để thanh, quyết toán hợp đồng. Các dấu hiệu vô hiệu của hợp đồng như: Người ký kết chưa có ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Công ty Nguyên P; Công ty Nguyên P chưa đăng ký kinh doanh khai thác khoán sản. Căn cứ tính số tiền còn nợ gốc chưa chính xác nên việc xác định nợ lãi chưa có căn cứ.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 37/2023/KDTM-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ các Điều 398, 401, 403,429, 430, 432, 440 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào 318, 306 của Luật thương mại;

Căn cứ vào Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng Thương Mai Dịch Vụ Nguyên P về yêu cầu thanh toán tiền hàng còn nợ gốc và lãi chậm trả phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số 01/2016/HĐ ngày 01/7/2016 và các phụ lục hợp đồng kinh tế số 01PL/HĐKT/2016 ngày 17/10/2016; Phụ lục số 02PL/HĐKT/2016 ngày 06/12/2016 được ký kết giữa Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ Nguyên P và Công ty cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Hoàng M

2. Xác nhận Công ty cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Hoàng M nợ Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ Nguyên P tính đến ngày 14/8/2023 là 1.484.452.000 đồng trong đó nợ tiền hàng là 1.236.140.000 đồng và lãi quá hạn là 248.312.000 đồng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, buộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Hoàng M phải thanh toán cho nợ Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ Nguyên P số tiền 1.484.452.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm tám mươi bốn triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Ngoài số tiền gốc, lãi Công ty cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Hoàng M phải thanh toán cho Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ Nguyên P tính đến ngày 14/08/2023 như trên, Công ty Hoàng M còn phải chịu số tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, Agribank trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả kể từ ngày 15/8/2023 cho đến khi thanh toán xong.

- Đình chỉ yêu cầu lãi phạt chậm trả của Nguyên đơn.

3. Về án phí: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Hoàng M phải chịu 56.534.000 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Công ty TNHH Xây dựng Thương Mai Dịch Vụ Nguyên P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 55.161.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0063256 ngày 05/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Hoàng M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao cho cấp sơ thẩm xét xử lại.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ cho cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tuyên. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Hoàng M được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ Nguyên P với Công ty cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Hoàng M phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn là Công ty cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Hoàng M có địa chỉ tại Xóm B, xã Thanh L, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân

huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ Nguyên P (sau đây viết tắt là Công ty Nguyên P) đã ký kết với Công ty cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Hoàng M (sau đây viết tắt là Công ty Hoàng M) hợp đồng kinh tế số 01/2016/HĐ ngày 01/7/2016 và các phụ lục hợp đồng về việc mua bán đá xây dựng.

Bị đơn kháng cáo cho rằng khi ký kết hợp đồng kinh tế ông Lê Tuấn H không được ủy quyền, nên đề nghị xác định hợp đồng kinh tế số 01/2016/HĐ ngày 01/7/2016 và các phụ lục kèm theo vô hiệu. Hội đồng xét xử thấy căn cứ vào Giấy ủy quyền số 02/GUQ/NP ngày 22/02/2014 thì ông Lê Tuấn H được giám đốc Công ty Nguyên P ký giấy ủy quyền được phép thay mặt giám đốc để ký các hợp đồng kinh tế, hợp đồng tín dụng vay vốn. Thời hạn ủy quyền từ 22/02/2014 đến khi có thông báo thôi ủy quyền của công ty, nên việc ông Lê Tuấn H đại diện Công ty Nguyên P ký hợp đồng kinh tế số 01/2016/HĐ ngày 01/7/2016 và các phụ lục kèm theo với Công ty Hoàng M là phù hợp. Mặt khác, trong quá trình thực hiện hợp đồng, người đại diện theo pháp luật của Công ty Nguyên P là bà Cao Thị Mỹ N giám đốc cũng đã biết việc thực hiện hợp đồng số 01/2016/HĐ và các phụ lục kèm theo giữa hai công ty và không có ý kiến gì. Nên bị đơn kháng cáo cho rằng hợp đồng số 01/2016/HĐ và các phụ lục kèm theo vô hiệu là không có căn cứ.

Bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ đòi nợ AZ (sau đây viết tắt là Công ty AZ) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình thực hiện đòi nợ, Công ty Nguyên P có thuê Công ty AZ thực hiện việc đòi nợ đối với Công ty Hoàng M và Công ty AZ có nhận chiếc xe ô tô hiệu TOYOTA VIOS E mang biển kiểm soát 30E -370.77 của Công ty Hoàng M được các bên thống nhất với giá là 450.000.000 đồng để trừ vào khoản nợ mà Công ty Hoàng M còn nợ Công ty Nguyên P, xác định các bên tham gia buổi làm việc đã lập biên bản, hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn và không bị ép buộc, nên bị đơn kháng cáo cho rằng Công ty Nguyên P thuê Công ty AZ đến cưỡng ép, buộc Công ty Hoàng M phải giao chiếc xe ô tô hiệu TOYOTA VIOS E là không có căn cứ.

Căn cứ vào biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 31/12/2018, ông Đoàn Anh D đã xác nhận Công ty Hoàng M còn nợ Công ty Nguyên P 1.716.140.000 đồng. Sau đó ngày 26/12/2019 Công ty Hoàng M đã trả 450.000.000 đồng (trị giá chiếc xe ô tô hiệu TOYOTA VIOS E), ngày

03/11/2020 Công ty Hoàng M trả tiếp 10.000.000 đồng, ngày 09/02/2021 Công ty Hoàng M tiếp tục trả 20.000.000 đồng. Từ đó đến nay, bị đơn không thanh toán tiếp cho nguyên đơn. Như vậy, tính đến ngày 09/02/2021 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 1.236.140.000 đồng. Án sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 1.236.140.000 đồng là có căn cứ.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên phải trả lãi chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 của Luật thương mại. Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu áp dụng mức lãi suất 8%/năm tính từ ngày 10/02/2021 đến ngày 14/8/2023 trên số tiền nợ gốc 1.236.140.000 đồng là phù hợp và có lợi cho bị đơn, nên án sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán nợ lãi cho nguyên đơn số tiền 248.312.000 đồng là đúng quy định.

Án sơ thẩm tuyên: "Công ty Hoàng M còn phải chịu số tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, Agribank trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả kể từ ngày 15/8/2023 cho đến khi thanh toán xong." là không đúng với nội dung của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên sửa lại phần này của án sơ thẩm.

Từ những phân tích trên và theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tuyên.

Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, nên người kháng cáo không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 398; Điều 401; Điều 403; Điều 429; Điều 430; Điều 432; Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 318; Điều 306 của Luật Thương mại;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Hoàng M

- Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 37/2023/KDTM-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội và xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ Nguyên P đối với Công ty cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Hoàng M

2. Buộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Hoàng M thanh toán trả Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ Nguyên P tổng số tiền là 1.484.452.000 đồng. Trong đó:

Nợ gốc: 1.236.140.000 đồng

Nợ lãi: 248.312.000 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ Nguyên P về việc buộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Hoàng M phải chịu tiền lãi phạt chậm trả.

3. Về án phí sơ thẩm:

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Hoàng M phải chịu 56.534.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ Nguyên P 55.161.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0063256 ngày 05/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

4. Về án phí phúc thẩm:

Hoàn trả Công ty cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Hoàng M 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0063891 ngày 13/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS huyện Thanh Trì, tp Hà Nội;
- TAND huyện Thanh Trì, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn